

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH – THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Tên viết tắt: TTC

Địa chỉ trụ sở chính: 1253 Cách mạng tháng 8, khu phố Ninh Phước, phường Ninh Thạnh, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh

Điện thoại: 066.3822376

Fax: 066.3828645

Website: <http://tanitour.com.vn>

Người được ủy quyền CBTT: Bà Lý Thị Thu Hồng

Chức danh: Giám đốc Tổ chức – Hành chính

Loại thông tin công bố:

Định kỳ 24h Bất thường Theo yêu cầu Khác

Nội dung thông tin công bố:

1) Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Du lịch – Thương mại Tây Ninh.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 22/3/2017 tại đường dẫn <http://tanitour.com.vn>

Chúng tôi xin cam kết những thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung thông tin đã công bố.

Tây Ninh, ngày 22/3/2017

Người được Ủy quyền Công bố thông tin

(Chữ ký, họ tên và đóng dấu)



Lý Thị Thu Hồng

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 43

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước, P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 từ trang 6 đến trang 43 kèm theo.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Hữu Phước	Chủ tịch	
Ông Trần Anh Minh	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12/05/2016
Ông Phạm Văn Hải	Thành viên	
Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên	
Ông Trần Trung Kiên	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Phúc	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 12/05/2016

Ban Kiểm soát

Ông Lý Bình Hòa	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12/05/2016
Ông Lê Trung Dương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 12/05/2016
Bà Lâm Thị Ngọc Châu	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/05/2016
Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12/05/2016
Ông Đặng Văn Hoàng	Thành viên	Từ nhiệm ngày 26/01/2016

Ban Tổng Giám đốc

Trần Anh Minh	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/01/2017
	Quyền Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25/01/2016
Ông Lê Hữu Phước	Tổng Giám đốc	Từ nhiệm ngày 25/01/2016
Ông Phạm Văn Hải	Phó Tổng Giám đốc	

Kế toán trưởng của Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 và đến ngày lập báo cáo này là Bà Trần Thị Hiền.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY ACA - Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh (UHY ACA).

CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước, P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng, Công ty đã tuân thủ việc công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về Quy định Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại Chúng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Anh Minh

Tổng Giám đốc

Tây Ninh, ngày 16 tháng 03 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh, được lập ngày 16/03/2017, từ trang 6 đến trang 43, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh tại ngày 31/12/2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Phạm Thanh Điền

Giám đốc

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1496-2014-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY ACA – CHI NHÁNH TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2017

Lương Ngô Bảo Trân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận ĐKHN kiểm toán
số 1828-2014-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		202.026.658.283	161.585.856.454
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	16.728.827.778	49.367.609.195
Tiền	111		11.228.827.778	6.467.609.195
Các khoản tương đương tiền	112		5.500.000.000	42.900.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6a	155.264.672.084	86.766.916.667
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		155.264.672.084	86.766.916.667
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.757.587.907	12.177.362.691
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	109.507.192	891.284.171
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		4.473.719.130	6.882.097.638
Phải thu ngắn hạn khác	136	8a	7.071.391.353	5.141.635.050
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(1.088.059.135)	(988.683.535)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		191.029.367	251.029.367
Hàng tồn kho	140	10	14.924.081.621	10.619.714.438
Hàng tồn kho	141		15.035.313.370	10.730.946.187
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(111.231.749)	(111.231.749)
Tài sản ngắn hạn khác	150		4.351.488.893	2.654.253.463
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11a	3.160.876.704	607.914.818
Thuế GTGT được khấu trừ	152		830.554.786	169.356.163
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16b	360.057.403	1.876.982.482
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		141.982.366.901	138.211.161.380
Các khoản phải thu dài hạn	210	8b	900.000.000	800.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		900.000.000	800.000.000
Tài sản cố định	220		117.577.904.720	122.691.536.741
Tài sản cố định hữu hình	221	12	117.407.922.332	122.521.554.353
- Nguyên giá	222		252.161.829.808	235.691.311.755
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(134.753.907.476)	(113.169.757.402)
Tài sản cố định vô hình	227	13	169.982.388	169.982.388
- Nguyên giá	228		169.982.388	169.982.388
Tài sản dở dang dài hạn	240		7.977.135.226	411.192.544
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	7.977.135.226	411.192.544
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6b	8.316.765.097	13.305.612.188
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		8.316.765.097	13.305.612.188
Tài sản dài hạn khác	260		7.210.561.857	1.002.819.907
Chi phí trả trước dài hạn	261	11b	7.152.284.658	984.857.650
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		58.277.199	17.962.257
TỔNG TÀI SẢN	270		344.009.025.184	299.797.017.834

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		25.930.794.755	19.168.754.936
Nợ ngắn hạn	310		24.121.827.898	18.624.667.039
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	1.823.887.092	1.771.230.162
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.000.000	62.006.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16a	1.245.694.666	1.106.970.951
Phải trả người lao động	314		10.016.155.776	7.296.661.193
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.094.952.554	314.448.857
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	18	4.116.845.212	3.461.336.364
Phải trả ngắn hạn khác	319	19a	4.249.757.497	3.698.582.610
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.564.535.101	913.430.902
Nợ dài hạn	330		1.808.966.857	544.087.897
Phải trả dài hạn khác	337	19b	535.472.500	350.953.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		1.273.494.357	193.134.897
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		318.078.230.428	280.628.262.898
Vốn chủ sở hữu	410	20	313.319.277.834	279.379.911.484
Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.702.100.000	45.702.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.702.100.000	45.702.100.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		48.915.600.000	48.915.600.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		73.546.360.292	56.633.704.487
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		25.231.129.181	22.539.185.472
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(2.388.239.222)	(7.280.874.284)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		27.619.368.404	29.820.059.756
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		119.924.088.361	105.589.321.525
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		4.758.952.594	1.248.351.414
Nguồn kinh phí	431	21	34.674.298	1.194.252.456
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		4.724.278.296	54.098.958
TỔNG NGUỒN VỐN	440		344.009.025.184	299.797.017.834

Tây Ninh, ngày 16 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Trần Thị Phượng

Kế toán trưởng

Trần Thị Hiền

Tổng Giám đốc

Trần Anh Minh



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	296.102.840.756	276.980.543.536
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		296.102.840.756	276.980.543.536
Giá vốn hàng bán	11	23	169.286.789.571	169.259.986.633
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		126.816.051.185	107.720.556.903
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	10.576.006.866	7.190.249.930
Chi phí tài chính	22	25	82.620.505	31.515.693
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.947.778	15.244.444
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		(4.769.654.090)	(612.782.160)
Chi phí bán hàng	25	26b	29.650.979.687	24.823.696.819
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26a	17.687.735.761	15.199.363.507
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		85.201.068.008	74.243.448.654
Thu nhập khác	31	27	1.547.785.604	1.814.520.040
Chi phí khác	32	28	74.437.000	294.075.871
Lợi nhuận khác	40		1.473.348.604	1.520.444.169
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		86.674.416.612	75.763.892.823
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	17.465.807.516	16.314.067.747
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	1.040.044.518	210.287.657
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		68.168.564.578	59.239.537.419
Lợi nhuận kế toán sau thuế của công ty mẹ	61		34.244.967.682	30.934.515.176
Lợi nhuận kế toán sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		33.923.596.896	28.305.022.243
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	6.874	6.229
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	32	6.874	6.229

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tây Ninh, ngày 16 tháng 03 năm 2017

Tổng Giám đốc





Trần Thị Phượng

Trần Thị Hiền

Trần Anh Minh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	01	86.674.416.612	75.763.892.823
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	20.924.357.262	19.737.132.731
Các khoản dự phòng	03	99.375.600	1.430.861.333
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	(142.284)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05	(5.750.566.271)	(6.600.643.735)
Chi phí lãi vay	06	3.947.778	15.681.944
Các điều chỉnh khác	07	-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay	08	101.951.530.981	90.346.782.812
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	7.429.298.486	33.565.969.730
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(4.304.367.183)	5.106.599.479
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	27.646.441	(24.409.881.879)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(8.720.388.894)	67.141.782
Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.947.778)	(15.681.944)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(16.050.000.000)	(13.539.065.016)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	1.370.321.735
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(8.150.897.186)	(6.414.708.709)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20	72.178.874.867	86.077.477.990
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(19.563.757.885)	(11.007.892.744)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	1.179.348.273
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(335.384.255.417)	(147.666.916.667)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	266.886.500.000	102.800.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.681.847.518	7.012.752.836
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(78.379.665.784)	(47.682.708.302)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ đi vay	33		1.800.000.000	22.900.000.000
Tiền trả nợ gốc vay	34		(1.800.000.000)	(22.900.000.000)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(26.437.990.500)	(30.573.019.530)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(26.437.990.500)	(30.573.019.530)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(32.638.781.417)	7.821.750.158
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	49.367.609.195	41.545.716.753
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	142.284
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	16.728.827.778	49.367.609.195

Tây Ninh, ngày 16 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Thị Phượng

Trần Thị Hiền

Trần Anh Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh được thành lập theo Quyết định số 178/QĐ-UB ngày 28/12/1982 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh, Quyết định số 329/QĐ-CT ngày 13/4/2005 về việc triển khai cổ phần hóa Công ty Du lịch Tây Ninh, và Quyết định số 259/QĐ-UBND ngày 17/3/2006 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty Du lịch Tây Ninh thành Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3900244068 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp ngày 05 tháng 02 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần gần nhất là lần thứ 9 ngày 24 tháng 5 năm 2016.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 của Công ty là 45.702.100.000 đồng được chia thành 4.570.210 cổ phần. Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có trụ sở chính tại số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, Khu phố Ninh Phước, Phường Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

1.2 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh bia, nước giải khát, hàng nông sản, kinh doanh dịch vụ nhà hàng, khách sạn và dịch vụ du lịch.

1.3 CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO

Danh sách các Công ty con

1. Công ty Cổ phần Cáp treo Núi Bà Tây Ninh
Trụ sở chính : Phường Ninh Sơn, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
Vốn điều lệ : 127.880.000.000 đồng.
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 51%.

2. Công ty Cổ phần Lữ hành Tây Ninh
Trụ sở chính : Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh.
Vốn điều lệ : 3.000.000.000 đồng.
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 84,30%.

Danh sách các Công ty liên kết

1. Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh
Trụ sở chính : Quốc lộ 22B, xã Long Thành Nam, huyện Hoà Thành, tỉnh Tây Ninh
Vốn điều lệ : 9.298.300.000 đồng.
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 36,27%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.3 CÁC CÔNG TY CON VÀ CÔNG TY LIÊN KẾT ĐƯỢC HỢP NHẤT VÀO BÁO CÁO (TIẾP)****Danh sách các Công ty liên kết (tiếp)**

2. Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh
Trụ sở chính : 436 Đường 30/4, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.
Vốn điều lệ : 40.875.000.000 đồng
Tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết: 22,70%

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG VÀ KỲ KẾ TOÁN**2.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/03/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông Tư 200 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2.2 KỲ KẾ TOÁN

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Du lịch - Thương mại Tây Ninh được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết (gọi chung là Công ty) do Công ty kiểm soát được lập cho đến ngày kết thúc năm tài chính. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được lập cho cùng năm tài chính với báo cáo tài chính của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con, công ty liên kết được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

3. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo Kết quả kinh doanh hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH**

Các chính sách kế toán được Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc 31/12/2016 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

4.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 LẬP DỰ PHÒNG

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

4.6 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 2 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác thể hiện chi phí bảo hiểm xe, chi phí thuê kho trả trước, chi phí bảo hiểm nhân thọ, chi phí đầu giá bãi giữ xe được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh theo thời gian của hợp đồng.

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc thiết bị	5 - 10
Phụ tùng tiện vận tải truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.8 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu: khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo phương pháp giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Cổ tức, lợi nhuận được chia từ công ty liên kết, liên doanh được ghi giảm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết trên báo cáo tài chính hợp nhất. Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng phải được điều chỉnh khi lợi ích của nhà đầu tư thay đổi do có sự thay đổi trong vốn chủ sở hữu của công ty liên kết nhưng không được phản ánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết.

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn bao gồm tiền gửi có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng và các khoản đầu tư dài hạn khác được kế toán theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính được trích lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính chất tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập.

4.9 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH***Ghi nhận ban đầu******Tài sản tài chính***

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.10 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty xác định tương đối chắc chắn dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh, quyền kiểm soát (chi phối) và kế hoạch chia lợi nhuận các đơn vị nhận đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.12 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động theo lĩnh vực của Công ty gồm: hoạt động thương mại, hoạt động vận chuyển, hoạt động nhà hàng khách sạn, hoạt động du lịch lữ hành và hoạt động khác.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty phát sinh tại tỉnh Tây Ninh. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.203.917.335	329.625.612
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.024.910.443	6.137.983.583
Các khoản tương đương tiền (*)	5.500.000.000	42.900.000.000
Cộng	16.728.827.778	49.367.609.195

(*): Là tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại.

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINHSố 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước,
P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
a) Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	155.264.672.084	155.264.672.084	86.766.916.667	86.766.916.667
a1) Ngắn hạn	155.264.672.084	155.264.672.084	86.766.916.667	86.766.916.667
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	155.264.672.084	155.264.672.084	86.766.916.667	86.766.916.667
Ngân hàng TMCP Đại chúng Tây Ninh	25.400.000.000	25.400.000.000	24.500.000.000	24.500.000.000
Ngân hàng Công thương Tây Ninh	9.400.000.000	9.400.000.000	7.800.000.000	7.800.000.000
Ngân hàng Công thương Hòa Thành Tây Ninh	54.256.672.084	54.256.672.084	9.300.000.000	9.300.000.000
Ngân hàng Đầu tư & Phát Triển Tây Ninh	3.500.000.000	3.500.000.000	8.100.000.000	8.100.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín Tây Ninh	5.900.000.000	5.900.000.000	1.900.000.000	1.900.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Tây Ninh	6.500.000.000	6.500.000.000	9.800.000.000	9.800.000.000
Ngân hàng Phát Triển Tây Ninh	1.600.000.000	1.600.000.000	1.500.000.000	1.500.000.000
Ngân hàng TMCP Bàn Việt Tây Ninh	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000	12.600.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội Tây Ninh	5.000.000.000	5.000.000.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Ngân hàng TMCP Phát Triển TPHCM - CN Tây Ninh	15.000.000.000	15.000.000.000	6.200.000.000	6.200.000.000
Ngân hàng Công Thương Chi nhánh Hòa Thành	-	-	1.066.916.667	1.066.916.667
Ngân hàng NN&PTNT - CN KV Tân Hưng - Tây Ninh	15.458.000.000	15.458.000.000	-	-
Quỹ đầu tư phát triển Tây Ninh	650.000.000	650.000.000	-	-
a2) Dài hạn	-	-	-	-

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc từ trên 03 tháng và kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng.

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước,

P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	Tại 31/12/2016			Tại 01/01/2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	14.262.797.860	8.316.765.097	-	14.262.797.860	13.305.612.188	-
<i>Công ty CP Gạch ngói Tây Ninh (*)</i>	3.709.415.000	3.543.773.103	-	3.709.415.000	3.948.916.019	-
<i>Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh (**)</i>	10.553.382.860	4.772.991.994	-	10.553.382.860	9.356.696.169	-

Ghi chú:

(*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Gạch ngói Tây Ninh với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết là 36,3% vốn điều lệ của Công ty này.

Căn cứ vào Công văn 1831/UBND-KTTC ngày 04/07/2016 về phê duyệt giá khởi điểm để thoái vốn đầu tư tại Công ty Cổ Phần Gạch Ngói Tây Ninh, Công ty Cổ Phần Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh hiện đang thực hiện chào bán toàn bộ 337.220 cổ phiếu.

(**) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh với tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết của Công ty này là 22,70%.

Theo Giấy xác nhận của Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Tây Ninh, Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh đã đăng ký tạm ngừng kinh doanh từ ngày 13/08/2016 đến ngày 12/08/2017. Do đó, giá trị hợp lý khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh được căn cứ vào Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh cho giai đoạn từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/08/2016.

Ngoài ra, căn cứ vào thông báo 02/2016/BTCĐG ngày 16/12/2016 của Công ty CP Chứng khoán Beta về việc thông báo kết quả đấu giá cổ phần Công ty CP Khách Sạn Hòa Bình Tây Ninh, Công ty Cổ phần Du Lịch - Thương Mại Tây Ninh sẽ chuyển giao 1.018.051 cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Hải Đăng và 99 cổ phiếu cho cá nhân Nguyễn Quốc Ái Di từ ngày 16/12/2016 đến 29/12/2016. Đến thời điểm lập báo cáo này, các thủ tục chuyển nhượng chưa hoàn tất do các tổ chức, cá nhân đấu giá thành công đã xin gia hạn nộp tiền đến ngày 31/03/2017 và được UBND Tỉnh Tây Ninh chấp thuận theo Quyết định số 3739/UBND – KTTC ngày 29/12/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	109.507.192	891.284.171
Tạp hóa Nhân Trang	-	209.523.000
Công ty TNHH NGK Suntory Pepsico Việt Nam	70.000.000	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	39.507.192	681.761.171
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	-	-

8. PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	7.071.391.353	(1.088.059.135)	5.141.635.050	(988.683.535)
Tạm ứng	619.798.807	-	263.410.500	-
Ký quỹ, ký cược vô chai	1.967.022.422	-	1.774.401.422	-
Lãi dự thu	2.790.629.524	-	1.542.769.028	-
Tiền thuế TNCN	169.738.231	-	68.824.756	-
Phải thu người lao động	-	-	131.169.789	-
Phải thu lại tiền lương nhân viên quản lý	162.000.000	-	-	-
Phải thu tiền hàng, vô chai thiếu	1.184.459.535	(1.088.059.135)	1.154.318.735	(988.683.535)
Các khoản phải thu khác	177.742.834	-	406.735.365	-
b) Dài hạn	900.000.000	-	800.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	900.000.000	-	800.000.000	-
Cộng	7.971.391.353	(1.088.059.135)	5.941.635.050	(988.683.535)

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước, P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***9. NỢ XẤU**

			Tại 31/12/2016			Tại 01/01/2016		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị có thể thu hồi VND		
	VND	VND		VND	VND			
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán	1.088.059.135	1.088.059.135	-	988.683.535	988.683.535	-		
DNTN Ngọc Giàu	69.060.000	69.060.000	-	69.060.000	69.060.000	-		
Nguyễn Văn Huy	495.185.586	495.185.586	-	495.185.586	495.185.586	-		
Lê Hiền Trí	208.450.249	208.450.249	-	208.450.249	208.450.249	-		
Công ty TNHH Châu Ngọc Hân	189.770.000	189.770.000	-	135.550.000	135.550.000	-		
HKD Nguyễn Bích Vân	100.284.000	100.284.000	-	70.198.800	70.198.800	-		
Lê Phước Vũ	10.238.900	10.238.900	-	10.238.900	10.238.900	-		
Công ty TNHH Lê Thiên Khang	15.070.400	15.070.400	-	-	-	-		
Cộng	1.088.059.135	1.088.059.135	-	988.683.535	988.683.535	-		

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINHSố 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước,
P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***10. HÀNG TỒN KHO**

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	4.503.352.833	(111.231.749)	3.545.619.993	(111.231.749)
Công cụ, dụng cụ	2.966.356.987	-	3.174.225.725	-
Hàng hóa	7.565.603.550	-	4.011.100.469	-
Cộng	15.035.313.370	(111.231.749)	10.730.946.187	(111.231.749)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	3.160.876.704	607.914.818
Chi phí trang trí, sửa chữa	652.349.417	128.624.102
Công cụ dụng cụ	1.334.094	29.122.348
Chi phí in vé dịch vụ sử dụng	422.849.844	277.489.110
Chi phí lắp đặt pano quảng cáo, quảng cáo trên cabin Cáp treo	3.583.330	-
Chi phí tư vấn lập phương án khai thác KS Tỉnh Ủy Tây Ninh	-	120.000.000
Chi phí in lịch năm 2016	49.000.000	44.500.000
Chi phí bảo hiểm nhân thọ	1.950.932.742	-
Chi phí khác	80.827.277	8.179.258
b) Dài hạn	7.152.284.658	984.857.650
Chi phí thuê đất quảng cáo	62.251.506	41.374.991
Chi phí bảo hiểm, phí đường bộ	16.345.134	1.386.666
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.102.001.999	412.993.021
Chi phí thuê kho	610.909.094	136.363.638
Chi phí sửa chữa, nâng cấp	805.230.392	80.949.998
Phí sử dụng phần mềm Misa	6.000.000	-
Chi phí đầu giá bãi xe các loại tại KDLNB	2.696.969.697	-
Chi phí sửa chữa vỉa hè, bậc cấp, mái che ga trên	13.438.540	53.754.184
Chi phí chẻ đá và khắc chữ ga hạ giáp	90.000.000	-
Phí gia công lắp đặt hệ thống chống sét	178.958.177	238.610.909
Chi phí thay cáp tuyến cáp treo	1.453.235.995	-
Chi phí khác	116.944.124	19.424.243
Cộng	10.313.161.362	1.592.772.468

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước, P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại 01/01/2016	65.780.384.857	157.055.579.737	5.882.941.281	5.237.678.311	1.734.727.569	235.691.311.755
Mua trong năm	3.275.377.847	473.973.781	5.607.029.052	866.601.000	556.432.015	10.779.413.695
Hình thành từ ngân sách	880.293.316	27.587.340	-	81.164.750	4.340.926.744	5.329.972.150
Đầu tư XD CB hoàn thành	243.419.091	-	-	-	-	243.419.091
Tăng do quyết toán	84.487.117	33.226.000	-	-	-	117.713.117
Tại 31/12/2016	70.263.962.228	157.590.366.858	11.489.970.333	6.185.444.061	6.632.086.328	252.161.829.808
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại 01/01/2016	26.907.232.606	80.641.095.646	2.777.395.038	2.229.920.405	614.113.707	113.169.757.402
Khấu hao trong năm	6.008.154.818	12.504.506.043	1.343.677.445	661.505.248	406.513.708	20.924.357.262
Hao mòn cho TS ngân sách	86.508.348	3.448.416	-	27.220.204	542.615.844	659.792.812
Tại 31/12/2016	33.001.895.772	93.149.050.105	4.121.072.483	2.918.645.857	1.563.243.259	134.753.907.476
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2016	38.873.152.251	76.414.484.091	3.105.546.243	3.007.757.906	1.120.613.862	122.521.554.353
Tại 31/12/2016	37.262.066.456	64.441.316.753	7.368.897.850	3.266.798.204	5.068.843.069	117.407.922.332

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016: 58.985.413.120 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình là giá trị Quyền sử dụng đất tại xã Long Thành Trung, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh. Quyền sử dụng đất của Công ty không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang	7.977.135.226	7.977.135.226	411.192.544	411.192.544
+ Chi phí tư vấn, lập báo cáo KTKT hàng rào	-	-	21.912.728	21.912.728
+ Chi phí khảo sát địa chất văn phòng công ty	126.378.182	126.378.182	105.473.636	105.473.636
+ Chi phí thẩm định bảng pano	-	-	2.750.000	2.750.000
+ Chi phí tư vấn, quản lý cấp treo lên đỉnh	305.959.816	305.959.816	281.056.180	281.056.180
+ Chi phí công trình khu VP Công ty	5.213.431.147	5.213.431.147	-	-
+ Chi phí nâng cấp máng trượt	710.458.719	710.458.719	-	-
+ Chi phí công trình cung cấp nước sinh hoạt	128.693.636	128.693.636	-	-
+ Chi phí quản lý quy hoạch 1:500	87.458.000	87.458.000	-	-
+ Chi phí tư vấn lập quy hoạch 1:500	74.877.271	74.877.271	-	-
+ Chi phí tư vấn khảo sát đo đạc quy hoạch 1:500	508.973.182	508.973.182	-	-
+ Chi phí tư vấn lập đồ án quy hoạch 1:500	820.905.273	820.905.273	-	-
Cộng	7.977.135.226	7.977.135.226	411.192.544	411.192.544

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	1.823.887.092	1.823.887.092	1.771.230.162	1.771.230.162
Công ty TNHH bia và nước giải khát Heineken Việt Nam	1.015.007.417	1.015.007.417	-	-
Công ty TNHH NGK Coca-Cola Việt Nam	83.232.336	83.232.336	-	-
Tổng Công ty hàng không Việt Nam	19.632.099	19.632.099	136.808.787	136.808.787
Công ty CP Công nghệ Môi trường & Xây dựng Saigon	217.080.240	217.080.240	708.148.800	708.148.800
Công ty CP Xây dựng TM & DV Trường Thịnh	-	-	260.250.000	260.250.000
Công ty CP In Hoàng Lê Kha Tây Ninh	125.037.000	125.037.000	-	-
Công ty TNHH Công Nghệ Thông Minh Toàn Cầu	199.531.500	199.531.500	-	-
Công ty TNHH Kim Sơn	-	-	383.000.000	383.000.000
Các khoản phải trả người bán khác	164.366.500	164.366.500	283.022.575	283.022.575
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
a)Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước				
Thuế giá trị gia tăng	112.845.895	13.027.912.498	13.140.758.393	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	103.121.406	103.121.406	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.126.876	-	9.126.876	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	299.665.064	235.439.643	64.225.421
Các loại thuế khác	721.000	900.290.382	672.436.935	228.574.447
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	984.277.180	37.061.122.306	37.092.504.688	952.894.798
+ Phí tham quan vào công	468.480.000	28.790.784.000	28.745.600.000	513.664.000
+ Phí sử dụng dịch vụ môi trường rừng	212.914.996	187.309.433	381.202.011	19.022.418
+ Phải nộp 35% số thu cho thuê MB KDL	-	739.746.212	739.746.212	-
+ Các khoản phải nộp Nhà nước	302.882.184	7.343.282.661	7.225.956.465	420.208.380
Cộng	1.106.970.951	51.392.111.656	51.253.387.941	1.245.694.666
b)Thuế và các khoản phải thu Nhà nước				
Thuế thu nhập cá nhân	45.728.082	45.728.082	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.781.287.795	17.465.807.516	16.040.873.124	356.353.403
Phí bảo vệ môi trường, các loại thuế khác	11.742.105	47.026.375	35.284.270	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	38.224.500	155.076.798	120.556.298	3.704.000
Cộng	1.876.982.482	17.713.638.771	16.196.713.692	360.057.403

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước,

P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	1.094.952.554	314.448.857
Trích trước chi phí thẩm định giá tài sản KDL	-	40.909.091
Trích trước chi phí phòng kinh doanh	37.066.558	12.330.780
Trích trước chi phí thẩm định xác định giá trị vốn chủ sở hữu Công ty CP Gạch Ngói Tây Ninh	-	22.727.273
Trích trước bổ sung chi phí đồng phục 2016	692.500.000	-
Trích trước phí dịch vụ môi trường rừng	279.400.996	-
Trích trước quỹ phòng chống thiên tai	-	39.055.713
Trích trước chi phí thuê đất	-	71.926.000
Trích trước chi phí khác	85.985.000	127.500.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.094.952.554	314.448.857

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	4.116.845.212	3.461.336.364
Doanh thu cho thuê mặt bằng tại KDL Núi Bà	4.116.845.212	3.461.336.364
b) Dài hạn	-	-
c) Khả năng không thực hiện hợp đồng với khách hàng	-	-
Cộng	4.116.845.212	3.461.336.364

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ PHẢI NỘP KHÁC

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	4.249.757.497	3.698.582.610
Kinh phí công đoàn	50.855.543	42.041.379
Bảo hiểm xã hội	-	45.724.632
Tiền thế chấp phải trả	2.577.932.034	2.902.342.661
Phải trả bảo hành công trình	129.166.010	130.554.000
Cổ tức phải trả	156.234.500	59.920.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	691.675.400	54.880.000
Các khoản phải trả khác	643.894.010	463.119.938
b) Dài hạn	535.472.500	350.953.000
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	535.472.500	350.953.000
Cộng	4.785.229.997	4.049.535.610

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại 01/01/2015	45.702.100.000	48.915.600.000	41.026.393.875	16.826.645.868	104.671.459.045	257.142.198.788
Lãi trong năm	-	-	-	30.934.515.176	28.305.022.243	59.239.537.419
Chia cổ tức năm 2014	-	-	-	(5.484.252.000)	(25.088.767.530)	(30.573.019.530)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, đầu tư phát triển	-	-	15.607.310.612	(18.631.775.490)	(1.541.140.315)	(4.565.605.193)
Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.105.948.082)	(757.251.918)	(1.863.200.000)
Tại 31/12/2015	45.702.100.000	48.915.600.000	56.633.704.487	22.539.185.472	105.589.321.525	279.379.911.484
Tại 01/01/2016	45.702.100.000	48.915.600.000	56.633.704.487	22.539.185.472	105.589.321.525	279.379.911.484
Lãi trong năm	-	-	-	34.244.967.682	33.923.596.896	68.168.564.578
Chia cổ tức năm 2015	-	-	-	(6.398.294.000)	(6.284.800.000)	(12.683.094.000)
Tạm chia cổ tức năm 2016	-	-	-	(3.199.147.000)	(10.652.064.000)	(13.851.211.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi, đầu tư phát triển năm 2015	-	-	16.912.655.805	(17.935.490.694)	(661.670)	(1.023.496.559)
Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2015	-	-	-	(593.640.000)	(570.360.000)	(1.164.000.000)
Tạm trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016	-	-	-	(2.904.855.713)	(1.830.040.955)	(4.734.896.668)
Thù lao HĐQT, Ban Kiểm soát năm 2016	-	-	-	(521.596.565)	(250.903.435)	(772.500.000)
Tại 31/12/2016	45.702.100.000	48.915.600.000	73.546.360.292	25.231.129.181	119.924.088.361	313.319.277.834

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINHSố 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước,
P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****20.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

<i>Chủ sở hữu</i>	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Ủy ban Nhân dân Tỉnh Tây Ninh	80,8%	36.942.300.000	80,8%	36.942.300.000
Công ty TNHH MTV Mía Đường Tây Ninh	4,3%	1.978.800.000	4,3%	1.978.800.000
Ông Lê Hữu Phước	0,1%	29.000.000	0,1%	29.000.000
Các cổ đông khác	14,8%	6.752.000.000	14,8%	6.752.000.000
Cộng	100%	45.702.100.000	100%	45.702.100.000

20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	45.702.100.000	45.702.100.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	45.702.100.000	45.702.100.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	9.597.441.000	5.484.252.000

20.4 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu phổ thông	4.570.210	4.570.210
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* <i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	10.000	10.000

20.5 CÁC QUỸ

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	73.546.360.292	56.633.704.487
Cộng	73.546.360.292	56.633.704.487

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINHSố 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước,
P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***21. NGUỒN KINH PHÍ**

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Nguồn kinh phí đầu năm	1.194.252.456	-
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	7.197.696.000	6.869.352.000
Chi sự nghiệp	8.357.274.158	5.675.099.544
Nguồn kinh phí cuối năm	34.674.298	1.194.252.456

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
a) Doanh thu	296.102.840.756	276.980.543.536
Doanh thu dịch vụ vận chuyển	136.582.951.778	117.243.438.679
Doanh thu dịch vụ du lịch	7.312.858.498	7.327.516.411
Doanh thu nước giải khát	138.786.283.080	125.969.549.115
Doanh thu hạt điều, nhân điều	-	14.200.460.000
Doanh thu dịch vụ giữ xe, nón bảo hiểm	4.160.358.179	4.021.697.277
Doanh thu dịch vụ hàng Rông	975.700.000	991.436.363
Doanh thu cho thuê mặt bằng	6.803.454.524	5.928.363.563
Doanh thu khác	1.481.234.697	1.298.082.128
b) Doanh thu với các bên liên quan	-	-

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ vận chuyển	21.780.661.535	22.489.470.946
Giá vốn dịch vụ du lịch	6.233.300.680	6.633.455.049
Giá vốn nước giải khát	135.755.021.856	120.248.343.371
Giá vốn hạt điều, nhân điều	-	14.040.500.000
Giá vốn dịch vụ giữ xe, nón bảo hiểm	3.868.293.613	3.153.140.679
Giá vốn dịch vụ hàng Rông	485.166.778	366.011.227
Giá vốn cho thuê mặt bằng	667.820.212	2.268.212.730
Giá vốn mặt hàng khác	496.524.897	60.852.631
Cộng	169.286.789.571	169.259.986.633

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINHSố 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước,
P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.520.220.361	7.141.501.630
Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối năm	-	142.284
Doanh thu hoạt động tài chính khác	55.786.505	48.606.016
Cộng	10.576.006.866	7.190.249.930

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	3.947.778	15.244.444
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	15.833.749
Chi phí tài chính khác	78.672.727	437.500
Cộng	82.620.505	31.515.693

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	17.687.735.761	15.199.363.507
Chi phí nhân viên quản lý	9.486.063.081	9.964.462.769
Chi phí nguyên vật liệu	-	42.776.217
Chi phí đồ dùng văn phòng	124.272.476	267.052.206
Chi phí khấu hao TSCĐ	394.192.488	389.639.709
Thuế, phí và lệ phí	154.685.681	261.170.172
Chi phí dự phòng	99.375.600	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.310.424.428	564.678.605
Chi phí bằng tiền khác	5.118.722.007	3.709.583.829
b. Các khoản chi phí bán hàng	29.650.979.687	24.823.696.819
Chi phí nhân viên	16.266.523.399	16.563.204.857
Chi phí vật liệu bao bì	-	431.064.275
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	92.708.059	393.058.139
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.354.348.510	157.997.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.704.294.790	2.218.773.841
Chi phí bằng tiền khác	9.233.104.929	5.059.598.211

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước,

P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***27. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thù lao người đại diện vốn	468.779.166	326.283.333
Thu nhập khác hoạt động kinh doanh bia, nước giải khát	603.246.886	751.779.469
Thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC	363.636	1.818.182
Tiền điện, nước thu các hộ kinh doanh	73.045.458	135.701.730
Thưởng doanh số, chiết khấu bán vé	10.375.753	23.459.883
Cho thuê vườn cây	24.525.529	29.929.016
Thu nhập khác	367.449.176	545.548.427
Cộng	1.547.785.604	1.814.520.040

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thẩm định giá	-	1.650.000
Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ, CCDC	-	39.739.705
Chi phí liên doanh vận chuyển khách bằng xe ngựa	-	165.000.000
Chi phí giám sát sửa chữa các công trình KDL năm 2015, 2016	51.844.000	-
Chi phí khác	22.593.000	87.686.166
Cộng	74.437.000	294.075.871

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINHSố 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước,
P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	86.674.416.612	75.763.892.823
Các khoản lỗ được kết chuyển	-	(4.997.084.590)
Chuyển lỗ năm 2012	-	(1.718.759.463)
Chuyển lỗ năm 2013	-	(1.889.908.280)
Chuyển lỗ năm 2014	-	(1.388.416.847)
Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế	(4.745.788.116)	(1.037.641.898)
Lợi nhuận điều chỉnh giảm khi hợp nhất	(1.218.038.323)	(877.885.897)
Chi phí phải trả	(66.555.713)	(53.980.000)
Doanh thu chưa thực hiện năm trước	(3.461.336.364)	(105.633.717)
Các khoản khác	142.284	(142.284)
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	5.400.409.086	4.442.163.299
Chi phí không được trừ	339.369.000	301.489.062
Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết	4.769.654.090	612.782.160
Doanh thu chưa thực hiện năm trước	-	3.461.336.364
Chi phí phải trả	291.385.996	66.555.713
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	87.329.037.582	74.171.329.634
Thu nhập chịu thuế 22%	-	73.990.090.991
Thu nhập chịu thuế 20%	87.329.037.582	181.238.643
Chi phí thuế TNDN	17.465.807.516	16.314.067.747
Chi phí thuế TNDN thuế suất 22%	-	16.277.820.018
Chi phí thuế TNDN thuế suất 20%	17.465.807.516	36.247.729
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.465.807.516	16.314.067.747

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(58.277.199)	(17.962.257)
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ chênh lệch tạm thời chịu thuế	1.080.359.460	193.134.897
Thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế TNDN hoãn lại	17.962.257	35.115.017
Cộng	1.040.044.518	210.287.657

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	34.244.967.682	30.934.515.176
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.830.040.955)	(2.465.601.521)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	4.570.210	4.570.210
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	<u>6.874</u>	<u>6.229</u>

(*) Theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 được xác định theo số tạm trích của Công ty và các Công ty con là 2.314.100.454 đồng. Trong năm 2016, căn cứ Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Công ty và các Công ty con đã trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi với giá trị sau khi đã điều chỉnh phần của các Cổ đông không kiểm soát là 2.465.601.521 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2015 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu.

Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2016 là số tạm trích trong năm 2016 của Công ty và các Công ty con sau khi đã điều chỉnh phần của các Cổ đông không kiểm soát.

32. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	34.244.967.682	30.934.515.176
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.830.040.955)	(2.465.601.521)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	4.570.210	4.570.210
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	<u>6.874</u>	<u>6.229</u>

(*) Theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 đã được kiểm toán, số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 được xác định theo số tạm trích của Công ty và các Công ty con là 2.314.100.454 đồng. Trong năm 2016, căn cứ Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Công ty và các Công ty con đã trích lập bổ sung quỹ khen thưởng phúc lợi với giá trị sau khi đã điều chỉnh phần của các Cổ đông không kiểm soát là 2.465.601.521 đồng. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2015 khi tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi của năm 2016 là số tạm trích trong năm 2016 của Công ty và các Công ty con sau khi đã điều chỉnh phần của các Cổ đông không kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.9.

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính.

	<u>Tại 31/12/2016</u>	<u>Tại 01/01/2016</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.728.827.778	49.367.609.195
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	155.264.672.084	86.766.916.667
Phải thu khách hàng và phải thu khác	6.041.302.372	3.838.061.613
Cộng	<u>178.034.802.234</u>	<u>139.972.587.475</u>
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	6.402.027.046	5.545.758.231
Chi phí phải trả	1.094.952.554	314.448.857
Cộng	<u>7.496.979.600</u>	<u>5.860.207.088</u>
Trạng thái ròng	<u>170.537.822.634</u>	<u>134.112.380.387</u>

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**RỦI RO THỊ TRƯỜNG**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã tiến hành lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Nợ phải trả tài chính	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	5.866.554.546	535.472.500	6.402.027.046
Chi phí phải trả	1.094.952.554	-	1.094.952.554
Cộng	6.961.507.100	535.472.500	7.496.979.600
Tại 01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	5.194.805.231	350.953.000	5.545.758.231
Chi phí phải trả	314.448.857	-	314.448.857
Cộng	5.509.254.088	350.953.000	5.860.207.088

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Tài sản tài chính	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	16.728.827.778	-	16.728.827.778
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	155.264.672.084	-	155.264.672.084
Phải thu khách hàng và phải thu khác	5.141.302.372	900.000.000	6.041.302.372
Cộng	177.134.802.234	900.000.000	178.034.802.234
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	49.367.609.195	-	49.367.609.195
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	86.766.916.667	-	86.766.916.667
Phải thu khách hàng và phải thu khác	3.038.061.613	800.000.000	3.838.061.613
Cộng	139.172.587.475	800.000.000	139.972.587.475

34. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Công ty tổ chức theo dõi các bộ phận kinh doanh dựa trên lĩnh vực hoạt động bao gồm: hoạt động thương mại, hoạt động nhà hàng, khách sạn, hoạt động du lịch, lữ hành, hoạt động vận chuyển và hoạt động khác. Kết quả kinh doanh được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho Ban điều hành ra các quyết định phân bổ nguồn lực và các chiến lược kinh doanh.

Toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra tại khu vực kinh doanh của Công ty (Tỉnh Tây Ninh).

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước, P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***34. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Năm 2016	Hoạt động thương mại	Hoạt động vận chuyển	Hoạt động du lịch, lữ hành	Kinh doanh mặt hàng khác	Không phân bổ	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng	138.786.283.080	136.582.951.778	7.312.858.498	13.420.747.400	-	296.102.840.756
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	2.321.232.616	1.958.866.362	-	-	(4.280.098.978)	-
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	141.107.515.696	138.541.818.140	7.312.858.498	13.420.747.400	(4.280.098.978)	296.102.840.756
Chi phí bộ phận	(135.755.021.856)	(21.780.661.535)	(6.233.300.680)	(5.517.805.500)	-	(169.286.789.571)
Chi phí liên quan đến doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	(2.321.232.616)	(1.958.866.362)	-	-	4.280.098.978	-
Kết quả kinh doanh bộ phận	3.031.261.224	114.802.290.243	1.079.557.818	7.902.941.900	-	126.816.051.185
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	-	(47.338.715.448)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	79.477.335.737
Doanh thu hoạt động tài chính	2.395.825.261	8.005.553.624	174.627.981	-	-	10.576.006.866
Chi phí tài chính	(3.947.778)	(78.672.727)	-	-	-	(82.620.505)
Thu nhập khác	1.267.450.092	243.220.369	37.115.143	-	-	1.547.785.604
Chi phí khác	(71.539.000)	-	(2.898.000)	-	-	(74.437.000)
Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-	(4.769.654.090)	(4.769.654.090)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	6.619.049.799	122.972.391.509	1.288.402.942	7.902.941.900	(4.769.654.090)	86.674.416.612
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	(17.402.396.328)	(63.382.731)	-	-	(17.465.807.516)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(40.314.942)	-	-	(1.080.359.460)	(1.040.044.518)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	6.619.049.799	105.529.680.239	1.225.020.211	7.902.941.900	(5.850.013.550)	68.168.564.578

CTY CỔ PHẦN DU LỊCH - THƯƠNG MẠI TÂY NINH

Số 1253 Cách Mạng Tháng Tám, KP. Ninh Phước, P. Ninh Thạnh, Tp. Tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***34. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)**

Thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty:

Năm 2015	Hoạt động	Hoạt động vận	Hoạt động du	Kinh doanh mặt	Không phân bổ	Cộng
	thương mại	chuyển	lịch, lữ hành	hàng khác		
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bộ phận	140.170.009.115	117.243.438.679	7.327.516.411	12.239.579.331		276.980.543.536
Doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	58.029.653.893	3.877.679.509	91.609.091		(61.998.942.493)	61.998.942.493
Tổng doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	198.199.663.008	121.121.118.188	7.419.125.502	12.239.579.331	(61.998.942.493)	276.980.543.536
Chi phí bộ phận	(134.229.570.015)	(22.489.470.946)	(6.633.455.049)	(5.907.490.623)		(169.259.986.633)
Chi phí liên quan đến doanh thu cung cấp giữa các bộ phận	(58.029.653.893)	(3.877.679.509)	(91.609.091)		61.998.942.493	
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.940.439.100	94.753.967.733	694.061.362	6.332.088.708	-	107.720.556.903
Doanh thu hoạt động tài chính	1.332.685.315	5.784.441.952	73.122.663	-		7.190.249.930
Chi phí tài chính	(15.244.444)	(15.833.749)	(437.500)	-		(31.515.693)
Thu nhập khác	1.605.107.302	167.452.813	41.959.925	-		1.814.520.040
Chi phí khác	(12.537.310.369)	(26.291.114.986)	(1.488.710.842)	-		(40.317.136.197)
Phần lợi nhuận trong công ty liên doanh, liên kết					(612.782.160)	(612.782.160)
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(3.674.323.096)	74.398.913.763	(680.004.392)	6.332.088.708	(612.782.160)	75.763.892.823
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	(16.277.820.018)	(36.247.729)	-		(16.314.067.747)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	(17.152.760)	-	-	(193.134.897)	(210.287.657)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(3.674.323.096)	58.103.940.985	(716.252.121)	6.332.088.708	(805.917.057)	59.239.537.419

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

35. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên liên quan: Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Theo đó, bên liên quan của Công ty là các công ty liên doanh, liên kết, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc của Công ty và các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

Các bên liên quan

Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh
 Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh
 Công ty CP Gạch ngói Tây Ninh

Mối quan hệ

Cổ đông sáng lập
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Công ty CP Khách sạn Hòa Bình Tây Ninh Bán hàng	476.280.000	913.185.455
Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh Cổ tức đã trả	7.757.883.000	4.433.076.000

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Công ty CP Gạch Ngói Tây Ninh Cổ tức phải thu	-	118.027.000

Thu nhập của HĐQT, BKS, Ban Giám đốc

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	340.500.000	304.000.000
Tổng thu nhập từ lương Ban Giám đốc	674.400.000	882.000.000
Lương Chủ Tịch HĐQT chuyên trách	388.800.000	-
Cộng	1.014.900.000	1.186.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

36. THÔNG TIN KHÁC**36.1 Những khoản nợ tiềm tàng**

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

36.2 Cam kết thuê hoạt động

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê kho và thuê đất theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê kho số 01/HĐTK ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Công ty TNHH Tân Ngọc Lực, thời hạn 05 năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 năm 2014, đơn giá thuê đã là 25.000.000 đồng/tháng.
- Hợp đồng thuê đất số 04/04/HĐTĐ với Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc thuê 949,1 m² đất để xây dựng Văn phòng, thời hạn thuê 50 năm từ ngày 27 tháng 3 năm 2006 đến hết ngày 27 tháng 3 năm 2056. Đơn giá thuê:
 - Từ 27/3/2006 – 26/3/2011: 9.750 đồng/m²/năm.
 - Từ 27/3/2011 – 26/3/2016: 45.360 đồng/m²/năm.
 - Sau ngày 26/3/2016: đơn giá thuê được tính lại theo Nghị định số 142/2005/NĐ-CP ngày 14/11/2005 của Chính phủ và Nghị định sửa đổi, bổ sung số 121/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010.

36.3 Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Công ty không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

36.4 Thông tin hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

37. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.

Như được nêu tại mục 30 và 31 của Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, chi tiêu lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu đã được tính toán lại theo Thông tư 200/2014/TT-BTC, cụ thể như sau:

Chi tiêu	Mã số	Năm 2015 theo BCTCHN đã kiểm toán	Năm 2015 sau điều chỉnh
<i>Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất</i>			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.262	6.229
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	6.262	6.229

Ngoài ra, theo quy định của Thông tư 202/2014/TT-BTC, một số chi tiêu trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính 2015 đã được điều chỉnh lại như sau:

Chi tiêu	Mã số	Năm 2015 theo BCTCHN đã kiểm toán VND	Số điều chỉnh VND	Năm 2015 sau điều chỉnh VND
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</i>				
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(49.498.649.409)	25.088.767.530	(24.409.881.879)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.484.252.000)	(25.088.767.530)	(30.573.019.530)

Tây Ninh, ngày 16 tháng 03 năm 2017

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Trần Thị Phượng

Trần Thị Hiền

Trần Anh Minh